

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 23

37-GIẢI THÍCH MƯỜI TƯỚNG

KINH: Mười tướng là tướng vô thường, tướng khổ, tướng vô ngã, tướng ăn đồ bất tịnh, tướng tất cả thế gian không thể vui, tướng chết, tướng bất tịnh, tướng dứt, tướng lia đục, tướng tận.

LUẬN: Hỏi: Hết thấy pháp hành trì ấy sao có khi gọi là trí, có khi gọi là niệm, có khi gọi là tướng?

Đáp: Bắt đầu nhóm thiện pháp, vì để không mất nên chỉ gọi là niệm; có thể chuyển tướng và chuyển tâm nên gọi là tướng; quyết định biết không còn nghi ngờ, gọi là trí.

Quán hết thấy pháp hữu vi vô thường, tướng ấy tương ứng với trí tuệ, ấy gọi là vô thường tướng.

Hết thấy pháp hữu vi vô thường là vì sanh diệt mới mãi, vì thuộc nhân duyên, vì chẳng chứa thêm được.

Lại nữa, khi sanh không chỗ đến, diệt không chỗ đi, cho nên gọi là vô thường.

Lại nữa, hai thứ thế gian vô thường, nên nói vô thường, ấy là chúng sanh vô thường và thế giới vô thường, như nói:

*Đại địa cỏ cây đều tiêu diệt,
Tu-di biển cả cũng lở khô,
Chỗ ở chư thiên đều cháy hết,
Bấy giờ thế giới vật gì thường?
Mười phương Thế Tôn thân sáng đủ,
Trí tuệ chiếu sáng cũng vô lượng,
Độ thoát hết thấy các chúng sanh,
Tiếng tăm lan khắp cả mười phương,
Ngày nay trống rỗng đâu còn gì?*

Có người trí nào không cảm thương.

Như vậy các Thánh nhân Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Tu-bồ-đề..., Chuyển luân Thánh vương, các quốc vương, thiên vương thường vui và các trời, bậc thánh đức tôn quý đều cùng tận diệt, ngọn lửa sáng lớn bỗng bị tắt, thế gian chuyển hoại như đèn giữa gió, như cây ở bờ hiểm, như đồ lũng đọng nước, không lâu bị khô trống. Như vậy hết thảy chúng sanh và chỗ ở của chúng sanh, đều vô thường nên gọi là vô thường.

Hỏi: Bồ-tát vì sao thực hành tướng vô thường ấy?

Đáp: Vì chúng sanh đắm theo điên đảo chấp thường, chịu các khổ, không khỏi sống chết, hành giả có được tướng vô thường nên giáo hóa chúng sanh rằng: Các pháp đều vô thường, các người chớ đắm theo điên đảo chấp thường, mất thời giờ hành đạo. Pháp thượng diệu của chư Phật là bốn chân đế. Trong bốn đế, khổ đế đứng đầu, trong bốn hành tướng của khổ đế, hành tướng vô thường đứng đầu. Do vậy nên Bồ-tát thực hành tướng vô thường.

Hỏi: Có người thấy việc vô thường đến, lại càng đắm trước, như phu nhân Bảo nữ của quốc vương từ đất sanh ra, bị quỷ La-sát mười đầu bắt mang đi qua biển cả, vua rất ưu sầu. Bề tôi có trí can ngăn rằng: Trí lực của Bệ hạ đầy đủ, phu nhân trở lại không lâu, cơ sao ôm lòng ưu sầu? Vua đáp: Trẫm không lo sợ Trẫm không thể sống được, chỉ sợ thời trai tráng dễ qua. Cũng như người ưa hoa ra quả, thấy thời giờ sắp trôi qua bèn càng sanh tâm đắm trước. Như vậy biết vô thường lại sanh các kiết sử, chớ sao nói biết vô thường có thể khiến tâm nhàm chán, phá các kiết sử?

Đáp: Thấy vô thường như vậy, là biết vô thường một phần ít, là không đầy đủ, chẳng khác gì cầm thú thấy vô thường. Vì vậy Phật bảo Xá-lợi-phất hãy đầy đủ tu vô thường tướng.

Hỏi: Thế nào là tu tướng vô thường đầy đủ?

Đáp: Quán pháp hữu vi niệm niệm sanh diệt, như gió thổi bụi, như nước chảy trên núi, như ngọn lửa tắt, hết thảy pháp hữu vi không bền chắc, không thể thủ, không thể nắm, như huyễn hóa, đối gạt kẻ phàm phu, nhân vô thường ấy mà được vào cửa Không. Trong Không ấy tất cả pháp đều không thể có được, vô thường cũng không thể có được. Vì cơ sao? Vì trong một niệm, tướng sanh, trụ, diệt là không thể có được, khi sanh không thể có được trụ, diệt, khi trụ không có được sanh, diệt, khi diệt không có được sanh, trụ. Tướng sanh, trụ, diệt, tánh nó trái nhau cho nên không. Vì tướng ấy không, cho nên vô thường cũng không.

Hỏi: Nếu không có vô thường, cơ sao trong Khổ đế Phật dạy vô

thường?

Đáp: Người phạm phu sanh tà kiến cho thế gian là thường, Phật vì dứt trừ thường kiến ấy nên nói vô thường, chứ không phải vì vô thường là thật có nên nói.

Lại nữa, lúc Phật chưa ra đời, người phạm phu chỉ dùng thế tục đạo, ngăn các phiền não, nay muốn nhổ hết gốc rễ phiền não nên nói vô thường.

Lại nữa, pháp của các ngoại đạo chỉ do thân hình lìa năm dục cho là giải thoát. Phật dạy đó là do tà tướng nên bị trói buộc, quán vô thường chánh tướng nên được giải thoát.

Lại có hai lối quán tướng vô thường: 1. Hữu dư, 2. Vô dư. Như Phật dạy hết thấy người vật đều diệt tận chỉ còn lại cái tên, ấy là hữu dư; nếu người vật diệt tận, cái tên cũng diệt, ấy gọi là vô dư.

Lại có hai lối quán tướng vô thường: 1. Thân chết diệt tận, 2. Sanh diệt mới mãi.

Lại nữa, có người nói trì giới là trọng. Vì sao? Vì nương giới mà thứ lớp sạch hết lậu.

Có người nói đa văn là trọng. Vì sao? Vì nương trí tuệ nên có chỗ sở đắc.

Có người nói thiền định là trọng, như Phật nói định có thể đắc đạo.

Có người nói mười hai hạnh đầu đà là trọng. Vì sao? Vì hay làm cho giới hạnh thanh tịnh.

Như vậy mỗi mỗi cho sở hành là quý, không còn cần cầu Niết-bàn.

Phật dạy: Các công đức ấy đều là phần đưa đến Niết-bàn, còn nếu quán các pháp vô thường thì ấy mới là chơn đạo đưa đến Niết-bàn. Do các nhân duyên như vậy, các pháp tuy không mà nói là tướng vô thường.

Lại nữa, tướng vô thường tức là tên khác của thánh đạo. Phật dạy đạo với nhiều tên, hoặc nói là Bốn niệm xứ, hoặc nói bốn đế, hoặc nói tướng vô thường. Như trong Kinh nói: Khéo tu tướng vô thường, có thể dứt hết thấy dục ái, sắc ái, vô sắc ái, trạo cử, kiêu mạn, vô minh hết sạch, có thể trừ kiết sử ba cõi, do vậy nên gọi là đạo.

Tướng vô thường này hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu. Chính thức được vô thường là vô lậu, khi mới học vô thường là hữu lậu. Trong pháp Đại thừa, các Bồ-tát có tâm quảng đại, đủ các cách giáo hóa chúng sanh, thì tướng vô thường ấy cũng hữu lậu cũng vô lậu. Nếu vô lậu thì ở tại chín địa, nếu hữu lậu thì ở tại mười một địa, duyên ba cõi, năm thọ uẩn, tương ưng bốn căn, trừ khổ căn, phạm phu và thánh nhân đều được. Do các

nhân duyên như vậy, nói các công đức của vô thường tướng.

Tưởng Khổ: Hành giả nhớ nghĩ rằng, hết thấy pháp hữu vi vô thường nên khổ.

Hỏi: Nếu pháp hữu vi vô thường nên khổ, thì pháp hữu vi vô lậu của các bậc hiền thánh cũng phải nên khổ?

Đáp: Các pháp tuy vô thường, mà ưa đắm mới sanh khổ, không ưa đắm gì thì không khổ.

Hỏi: Có vị thánh nhân tuy không ưa đắm gì cũng đều có khổ, như Xá-lợi-phất bị phong nhiệt làm đau khổ, Tất-lăng-già-bà-ta bị bệnh mắt làm đau khổ. La-bà-na-bạt-đề (âm thanh đệ nhất) bị bệnh trĩ làm đau khổ, cơ sao nói không khổ?

Đáp: Có hai thứ khổ: 1. Thân khổ, 2. Tâm khổ. Các thánh nhân ấy do sức trí tuệ nên không còn tâm khổ ưu sầu, tật đố, sân giận; nhưng đã chịu thân tứ đại tạo thành do nghiệp đời trước, thì phải chịu các khổ về thân già, bệnh, đói, khát, lạnh, nóng, nhưng về thân khổ cũng mỏng ít, như người đã biết rõ mắc nợ người khác nên phải trả lại, không cho là khổ. Nếu người không nhớ đã mắc nợ, bị chủ nợ cưỡng đoạt thì sân nảo mà sinh khổ.

Hỏi: Khổ thọ là pháp của tâm tâm số, còn thân như cây cỏ, lia tâm thì không tri giác, làm sao nói thánh nhân chỉ thọ thân khổ?

Đáp: Người phạm phu khi thọ khổ tâm sanh sầu não, bị kiết sử sân sai khiến, tâm chỉ hưởng theo năm dục. Như Phật nói: Người phạm phu trừ năm dục ra không biết còn có cách ra khỏi khổ, trong khi thọ vui thì bị kiết sử tham dục sai khiến, trong khi thọ không khổ không vui thì bị kiết sử vô minh sai khiến. Người phạm phu khi thọ khổ, bên trong chịu ba thứ độc khổ, bên ngoài chịu lạnh, nóng, roi, gậy khổ, như người bên trong bị nóng lạnh, bên ngoài cũng bị nóng lạnh. Như Kinh nói: Người phạm phu bị mất vật yêu quý thì thân tâm đều chịu khổ, như hai mũi tên cùng bắn vào, còn các hiền thánh không có cái khổ ưu sầu, chỉ có thân khổ chứ không còn khổ gì khác.

Lại nữa, cái khổ tương ứng với năm thức và cái khổ do ngoại duyên roi, gậy, lạnh, nóng đưa đến, ấy là thân khổ, còn những khổ khác gọi là tâm khổ.

Lại nữa, tôi nói pháp hữu vi vô lậu, vì không ưa đắm nên không khổ. Thánh nhân còn có thân là hữu lậu, pháp hữu lậu thì khổ, có lỗi gì đâu. Đó là thân cuối cùng chịu khổ, cũng chút ít thôi.

Hỏi: Nếu vô thường tức là khổ, thì đạo cũng là khổ, làm sao lấy khổ để lia khổ?

Đáp: Vô thường tức là khổ, là vì năm thọ uẩn, còn đạo tuy là pháp tạo tác nên vô thường, nhưng không gọi là khổ. Vì cố sao? Vì nó hay dứt khổ, không làm sanh ra tâm ưa đắm, cùng với trí không, vô ngã hòa hợp. Chỉ là vô thường mà chẳng khổ. Như các A-la-hán khi đắc đạo nói:

*Chúng ta không tham sống,
Mà cũng không ưa chết,
Nhất tâm và trí tuệ,
Chờ thời đến thì đi*

Lúc Phật vào Niết-bàn, các vị chưa ly dục như A-nan, vì chưa khéo tu Tám chánh đạo nên đều than khóc ưa sầu. Các vị A-na-hàm đã ly dục thì kinh ngạc, các vị lậu tận A-la-hán thì tâm không biến đổi, chỉ nói: “Con mắt thế gian diệt mau quá”. Do sức đắc đạo, nên tuy theo Phật được lợi ích lớn, biết trọng công đức vô lượng của Phật mà không sanh ra khổ. Do vậy, biết “đạo” tuy vô thường mà chẳng phải nhân duyên sanh ra khổ, nên không gọi là khổ, chỉ có thân năm uẩn thọ là khổ. Vì sao? Vì ưa đắm, vì vô thường bại hoại, như nghĩa chữ khổ đã nói ở đoạn nói về thọ niệm xứ.

Lại nữa, khổ, có thân thường là khổ, vì ngu si nên không biết, như nói:

*Vì cỡi xe mệt mỏi,
Tìm cầu chỗ đứng dừng,
Vì đứng dừng mệt mỏi,
Tìm cầu chỗ ngồi nghỉ,
Ngồi lâu bị mệt mỏi,
Tìm cầu chỗ nằm yên,
Mệt mỏi do động tác,
Mới đâu vui sau khổ,
Xem ngó, thở ra vào,
Co, duỗi, ngồi, nằm, dậy,
Đi đứng và qua lại,
Việc ấy đều là khổ.*

Hỏi: Năm thọ uẩn ấy tất cả đều là khổ, hay vì quán tưởng khổ nên khổ? Nếu tất cả đều khổ, tại sao Phật dạy có ba thứ thọ là thọ khổ, thọ vui, thọ không khổ không vui? Nếu do quán tưởng khổ nên khổ, tại sao Phật nói khổ đế là thật khổ?

Đáp: Năm thọ uẩn tất cả đều khổ, người phàm phu do bốn điên đảo, bị dục bức bách, lấy năm dục làm vui, như người bơi ghề lữ, cái đau đớn tạm ngưng nên cho là vui, chứ ghề lữ chẳng phải là vui. Phật dạy ba thứ

thọ là vì theo thế gian, chứ trong Phật pháp chẳng phải là vui. Nếu trong năm thọ uẩn thật có vui, cố sao Phật dạy dứt năm thọ uẩn gọi là vui.

Lại nữa, tùy chỗ ưa thích, tâm vui thì sanh vui, không nhất định. Cái vui nếu là có thật nhất định, thì không cần chờ có tâm ưa đắm, như lửa thật nóng thì không đợi ưa đắm nó vẫn nóng. Vì cái vui không nhất định, cho nên gọi là khổ.

Lại nữa, cái vui điên đảo của thế gian hay mắc phải vô lượng quả báo khổ đời này đời sau, cho nên gọi là khổ, thí như trong biển nước lớn chỉ bỏ vào một ít độc, không làm cho nước đổi khác, cũng như vậy, cái vui theo độc điên đảo của thế gian không hiện ra giữa biển nước tất cả đại khổ, như nói:

*Khi từ Trời sanh xuống địa ngục,
Nhớ việc hoan lạc ở trên Trời,
Cung quán, thể nữ đầy trước mắt,
Vườn hoa, ao tắm để vui thích,
Lại thấy lửa ngục đến đốt thân,
Tợ như lửa lớn đốt rừng tre,
Khi ấy tuy thấy vui trên trời,
Luống tự cảm tiếc không ích gì.*

Sự nhiếp và duyên của khổ tưởng này cũng giống vô thường tưởng. Các cách phân biệt khổ như vậy, gọi là tưởng khổ.

Tưởng Vô ngã: Khổ là vô ngã. Vì cố sao? Vì trong năm thọ uẩn đều là khổ, tưởng khổ là không có tự tại, nếu không tự tại thì đó là vô ngã, nếu có ngã tự tại thì không thể làm cho thân có khổ, như nói:

*Có các người vô trí,
Chấp thân tâm là ngã,
Đần độn chấp chắc cứng,
Không biết pháp vô thường,
Thân này không ai làm,
Cũng không có người thọ,
Thân này là vô chủ,
Mà làm đủ các việc,
Duyên nơi sáu căn trần,
Sáu thức được sanh ra,
Do ba sự hòa hiệp,
Làm duyên sanh ra xúc,
Do xúc làm nhân duyên,
Có thọ niệm nghiệp sanh,*

*Như mặt trời, gương, cỏ;
Hòa hiệp sanh ra lửa,
Căn, trần, thức hòa hiệp,
Thành sự nghiệp tạo tác,
Tương tục tương tự có,
Như giống có mầm, cành.*

Lại nữa, ngã tướng là không thể có được, cho nên vô ngã. Hết thấy pháp vì có tướng nên biết là có, như thấy khói, cảm giác nóng nên biết có lửa. Đối với năm trần mỗi mỗi khác biệt, nên biết có căn, suy nghĩ trừ lượng các pháp nên biết có tâm, tâm số pháp. Còn ngã này không có tướng, cho nên biết vô ngã.

Hỏi: Có hơi thở ra vào, thì đó là tướng ngã. Xem ngó, tâm thọ mạng, khổ vui, thương ghét, tinh cần... ấy là tướng ngã. Nếu vô ngã thì ai có hơi thở ra vào, xem ngó, tâm thọ mạng, khổ vui, thương ghét, tinh cần... đó, cho nên có ngã ở bên trong lay động phát sanh vậy. Tâm thọ mạng cũng là ngã, nếu vô ngã thì như trâu không chế ngự, có ngã mới có thể chế ngự tâm vào pháp, không cho phóng dật. Nếu vô ngã thì ai chế ngự tâm. Thọ khổ vui là ngã, nếu vô ngã thì như cây cỏ, không thể phân biệt khổ vui. Thương ghét, tinh cần cũng như vậy. Ngã tuy vi tế, không thể dùng năm căn biết được, chỉ nhân nơi tướng có thể biết là có?

Đáp: Các tướng ấy đều là tướng của thức. Có thức thì có hơi thở ra vào, xem ngó, thọ mạng... nếu thức lìa thân thì không có các việc ấy. Cái ngã của các ông là thường hằng và biến khắp, vậy người chết cũng nên có sự xem ngó, hơi thở ra vào và thọ mạng...

Lại nữa, hơi thở ra vào... là sắc pháp, theo sức gió của tâm lay động phát sanh, đó là tướng của thức, không phải tướng của ngã. Thọ mạng là tâm bất tương ưng hành pháp, cũng là tướng của thức.

Hỏi: Nếu vào vô tâm định, hoặc khi ngủ không mộng, cũng có hơi thở ra vào, có thọ mạng, tại sao nói đều là tướng của thức?

Đáp: Trong vô tâm định, tuy thức tạm không, nhưng không lâu phát sanh lại, vì thức không bỏ rời thân, lúc có thức (hoạt động) nhiều, lúc không có thức (hoạt động) ít, cho nên gọi là tướng của thức, như người ra đi, không thể nói nhà ấy vô chủ. Các thứ khổ vui, thương ghét, tinh cần... là pháp tương ưng với tâm, cùng chung sở duyên, theo tâm hành động, nên tâm có thì liền có, tâm không thì liền không. Do vậy biết đó là tướng của thức chứ chẳng phải tướng của ngã.

Lại nữa, nếu có ngã, ngã có hai thứ là hoặc thường hoặc vô thường, như nói:

Nếu ngã là thường,
 Thì không thân sau,
 Vì thường, không sanh,
 Cũng không giải thoát,
 Không quên, không làm,
 Do vậy cho nên biết,
 Không kẻ làm tội phước,
 Cũng không có kẻ thọ,
 Bỏ ngã và ngã sở,
 Vậy sau được Niết-bàn,
 Nếu mà thật có ngã,
 Không nên bỏ ngã tâm,
 Nếu ngã là vô thường,
 Thì nên theo thân diệt,
 Như bờ lớn sa nước,
 Cũng không có tội phước.

Như vậy, ngã và kẻ biết, kẻ không biết, kẻ làm, kẻ không làm, như đã nói trong đoạn Đản Ba-la-mật. Vì không có được ngã tướng nên biết hết thấy pháp vô ngã. Nếu biết hết thấy pháp vô ngã thì không nên sanh tâm chấp ngã. Nếu không tâm chấp ngã và ngã sở, Ngã, ngã sở xa lìa, thì không có trói buộc, nếu không trói buộc thì là Niết-bàn, thế nên hành giả nên thực hành vô ngã tướng.

Hỏi: Vô thường, khổ, vô ngã là một sự hay ba sự? Nếu là một thì không nên nói ba, nếu ba cơ sao Phật dạy vô thường tức là khổ, khổ tức là vô ngã?

Đáp: Chỉ là một, đó là thọ thuộc pháp hữu lậu, vì phân biệt theo mặt quan sát nên có ba thứ sai khác nhau. Tương ứng với hành tướng vô thường, ấy là vô thường tướng, tương ứng với hành tướng khổ, ấy là khổ tướng; tương ứng với hành tướng vô ngã, ấy là vô ngã tướng. Vô thường, không làm cho rơi vào ba cõi; khổ, làm cho biết tội lỗi trong ba cõi; vô ngã, thì xả ly ba cõi.

Lại nữa, vô thường thì sanh tâm nhàm chán, khổ thì sanh sợ hãi, vô ngã thì kéo ra khiến cho giải thoát. Vô thường là Phật nói năm thọ uẩn là vô thường, khổ là Phật dạy vô thường là khổ, vô ngã là Phật dạy khổ tức là vô ngã. Vô thường là Phật chỉ thị tướng diệt tận của năm thọ uẩn, khổ là Phật chỉ thị như mũi tên găm vào tâm, vô ngã là Phật chỉ thị tướng xả ly. Vô thường là chỉ thị dứt ái, khổ là chỉ thị dứt tập khí ngã mạn, vô ngã là chỉ thị dứt tà kiến. Vô thường thì ngăn kiến chấp thường, khổ thì

ngăn kiến chấp vui Niết-bàn hiện tại, vô ngã thì ngăn chỗ chấp trước. Vô thường là chỗ pháp thường của thế gian chấp trước, khổ là chỗ vui của thế gian chấp trước, vô ngã là chỗ chấp ngã kiên cố của thế gian; ấy là tướng phân biệt giữa ba tướng. Vô ngã tương duyên và nhiếp giống như đã nói trong khổ tướng.

Tướng nhằm chán thức ăn: Quán đồ ăn từ nhân duyên bất tịnh sanh, như thịt từ thủy đạo tinh huyết sanh, là chỗ ở của trùng mủ. Váng sữa, sữa, lạc, do huyết biến thành, không khác gì mủ thối nát, mồ hôi nhờn của người nhà bếp và các thứ bất tịnh. Nếu bỏ vào miệng thì từ não bộ có hai dòng nước dãi thối nát chảy xuống hòa với nước miếng sau mới thành vị, tướng trạng như mưa, đi vào cửa bụng, đất duy trì, nước rửa nát, gió chuyển động, lửa rang nấu, giống như cái chảo nấu chín nhừ, cặn bả lóng xuống dưới, nước trong nổi lên trên, ví như gậy rượu, phần cặn bả là phân, phần trong là nước dãi. Eo lưng có ba lỗ, gió thổi nước béo tan vào trăm mạch, hòa hợp với huyết sắc có trước, ngưng đọng biến thành thịt. Từ thịt tươi sanh mỡ, xương, tủy, từ trong đó sanh thân căn, từ thịt mới thịt cũ hợp lại sanh năm căn, từ năm căn sanh năm thức, năm thức thứ lớp sanh ý thức, phân biệt thủ lấy tướng, trừ lượng tốt xấu, vậy sau mới sanh các phiền não và các tội nghiệp theo tâm chấp ngã, ngã sở. Quán đồ ăn có nhân duyên gốc ngọn đủ thứ bất tịnh như vậy, biết rằng bốn đại bên trong bốn đại bên ngoài không khác nhau, chỉ vì ngã kiến mà cưỡng cho là có ngã.

Lại nữa, suy nghĩ đồ ăn này do đào bới cày bừa thu hoạch, xay, giã, dãi lọc, thổi nấu mới thành, dụng công rất nặng. Tính ra một bát cơm so với công sức mồ hôi của nông phu góp lại thì đồ ăn ít mà mồ hôi nhiều, làm ra đồ ăn này công phu cay đắng nặng nề như vậy, mà ăn vào miệng thì liền thành bất tịnh, không chút giá trị, trải qua một đêm đã biến thành phân nước dãi. Vốn là đồ ngon mà người ăn vào biến thành bất tịnh, gồm không muốn thấy. Hành giả tự suy nghĩ: đồ ăn tẻ như vậy, nếu ta tham đắm thì sẽ đọa địa ngục, nuốt hoàn sắt nóng, từ địa ngục ra khỏi sẽ làm súc sanh trâu, dê, lạc đà, đền trả nợ cũ, hoặc làm chó heo, thường ăn đồ nhơ. Quán đồ ăn như vậy thì sanh tư tưởng nhằm chán. Nhân nhằm chán đồ ăn mà đối năm dục đều nhằm chán, ví như một người Bà-la-môn tu pháp tinh khiết, có duyên sự đi đến một nước bất tịnh, tự suy nghĩ ta sẽ làm sao để khỏi thứ bất tịnh này, chỉ phải ăn đồ khô, mới thanh tịnh được. Thấy một bà già bán thứ bánh khô nhân trắng, liền nói với bà già rằng: “Tôi có duyên sự ở đây một trăm ngày, bà hãy làm thứ bánh khô này đem cho tôi, tôi sẽ trả giá nhiều.” Bà già mỗi ngày làm bánh khô

đem đến, Bà-la-môn tham đắm, ăn no hoan hỷ. Bà già làm bánh, lúc đầu trắng sạch, lần về sau không màu sắc, không hương vị. Bà-la-môn hỏi bà già: Tại sao như vậy? Bà già đáp: Nhọt lở đã lành. Bà-la-môn hỏi: Câu nói ấy nghĩa sao? Bà già đáp: Phu nhân nhà chúng tôi ở chỗ khuất sanh mụn nhọt, lấy bột gạo váng sữa đắp vào, mụn nhọt chín vỡ mủ ra, đem hòa với bánh váng sữa, cứ mỗi ngày như vậy, lấy làm bánh đem cho ông, vì vậy mà bánh ngon. Nay phu nhân nhà chúng tôi đã lành mụn, tôi còn biết chỗ nào có được nữa?

Bà-la-môn nghe xong, nắm hai tay đánh đầu, đắm ngực nôn khan nói, tại sao ta phá hỏng pháp thanh tịnh này? Thôi ta hỏng mất rồi! Liên bỏ duyên sự trở về nước cũ. Hành giả cũng như vậy, tham đắm ăn uống, hoan hỷ ưa thích, chỉ thấy màu sắc nó đẹp, mịn trơn, thơm ngon khoái miệng, mà chẳng quán sát bất tịnh, sau chịu khổ báo, hối tiếc làm sao kịp. Nếu hay quán xét đồ ăn gốc ngọn như vậy, sanh tâm chán ghét, nhân đó lià thực dục mà bốn dục kia đều lià (tài dục, sắc dục, danh dục, thụ dục). Lià bỏ mọi dục lạc trong cõi Dục, dứt năm dục ấy, thì năm hạ phần kiết cũng dứt. Do các nhân duyên tội ác như vậy, không còn ưa đắm; ấy gọi là tướng nhàm chán thức ăn.

Hỏi: Tướng vô thường, khổ, vô ngã tương ứng với trí tuệ vô lậu, còn bốn tướng kế tiếp như tướng nhàm chán thức ăn... tương ứng với trí tuệ hữu lậu, theo lẽ thứ lớp thì bốn tướng này nên nói ở trước chứ tại sao nói ở sau?

Đáp: Phật pháp có hai đạo là kiến đạo và tu đạo. Trong kiến đạo dùng ba tướng, phá các tà kiến, đắc thánh quả, vẫn chưa lià dục. Vì lià dục nên sau ba tướng tiếp nói bốn tướng là tướng nhàm chán thức ăn... thì lià được các phiền não thâm dục... ba tướng đầu chỉ thị kiến đế đạo, bốn tướng giữa chỉ thị học đạo, ba tướng chót chỉ thị vô học đạo. Trong khi bắt đầu tu tập thân niệm xứ, tuy có tướng nhàm chán thức ăn, song công dụng ít, cho nên Phật không dạy. Nay vì bậc Tu-đa-hoàn, Tư-đà-hàm cần phải vượt qua tham dục, nên tiếp theo vô ngã tướng nói đến bốn tướng là tướng nhàm chán thức ăn...

Tướng hết thấy thế gian không thể vui: Nếu nhớ nghĩ các sự vui của thế gian như sắc dục, vị ngon, xe ngựa, phục sức, quán xá, vườn nhà thì sanh lạc tướng; nếu nhớ nghĩ các sự tội ác của thế gian thì tâm sanh tướng nhàm chán. Các việc ác gì? Việc ác có hai: 1. Chúng sanh. 2. Thổ địa.

Chúng sanh bỏ: bị hoạn nạn về tám khổ là sanh, già, bệnh, chết, ân ái xa lià, oán thù gặp gỡ, cầu mong không được, tóm lại là năm thọ uẩn

khổ.

Tội của chúng sanh là người dâm dục nhiều thì không phân biệt tốt xấu, không theo lời dạy bảo của cha mẹ sư trưởng, không biết tầm quý, chẳng khác cầm thú. Người sân nhuế nhiều thì không phân biệt nhẹ nặng, sân độc cuồng phát, cho đến không chịu lời Phật, không muốn nghe pháp, không sợ ác đạo, roi gậy đánh bừa, chẳng biết cái khổ của người khác, đi vào trong chỗ rất tối không trông thấy gì. Người ngu si nhiều thì sự mong cầu không theo đạo lý, không rõ sự duyên, như vắt sừng tìm sữa, bị vô minh che lấp, tuy mặt trời chiếu sáng mà vĩnh viễn không thấy gì. Người xan tham nhiều thì nhà nó như mồ hoang, không ai bước tới. Người kiêu mạn nhiều thì không kính hiền thánh, không hiếu với cha mẹ, kiêu xa phóng dật tự bại hoại, vĩnh viễn không chút giá trị. Người tà kiến nhiều thì không tin đời này đời sau, không tin tội phước, không thể ở chung. Các phiền não như vậy nhiều thì tệ bại không có chút giá trị. Người ác nghiệp nhiều thì tạo tội vô gián hoặc giết cha mẹ, hoặc làm thương hại hiền thánh, đón bắt thời cơ vinh quý, dèm pha làm hại kẻ trung trinh, giết hại thân thích.

Lại nữa, chúng sanh ở thế gian người lành tốt ít, kẻ tệ ác nhiều, hoặc tuy có người hành thiện mà bị nghèo hèn xấu xí, hoặc tuy giàu sang đẹp đẽ mà sở hành bất thiện. Hoặc tuy ưa bố thí mà nghèo thiếu không tài vật, hoặc tuy giàu có tài bảo mà lẩn tiếc tham đắm, không chịu bố thí. Hoặc thấy người trầm lặng suy nghĩ không nói, bèn cho đó là tự nuôi tánh kiêu mạn cao ngạo, không biết hạ mình tiếp vật, hoặc thấy người ưa hạ mình tiếp vật, ân huệ nhuần khắp, bèn cho đó là trang sức dối trá dua nịnh, hoặc thấy người nói hay luận giỏi, bèn cho đó là ý thị tiểu trí để kiêu mạn; hoặc thấy người chất trực thiện hảo, bèn cùng dối trá bắt ép, dẫn dắt lời kéo lẩn lướt coi thường, hoặc thấy người tâm lành nhu nhuyễn, bèn cùng khinh khi lẩn lướt chà đạp, không tiếp đãi theo đạo lý. Nếu thấy người giữ giới thanh tịnh, bèn cho đó là làm việc kiêu căng kỳ dị, khinh hèn không kể. Các chúng sanh tệ ác như vậy, không có một điều đáng ưa.

Quốc độ ác: Hết thấy thổ địa nhiều suy hoại không tốt. Lạnh nóng đói khát, tật bệnh ôn dịch, khí độc xâm hại, sợ hãi già, bệnh, chết không chỗ nào không có. Chỗ nào thân đi đến đều có các khổ đi theo, không nơi nào tránh khỏi. Tuy có quốc độ tốt, giàu vui an ổn, nhưng phần nhiều bị các phiền não bức bách, thì không thể gọi là quốc độ an lạc. Hết thấy đều có hai thứ khổ là thân khổ và tâm khổ. Không quốc độ nào không có, như nói:

*Có nước thì lạnh nhiều,
 Có nước thì nóng nhiều,
 Có nước không cứu hộ,
 Có nước nhiều tai ác,
 Có nước thường đói khát,
 Có nước nhiều bệnh tật,
 Có nước không tu phước,
 Như vậy không đâu vui.*

Chúng sanh và quốc độ có các ác như vậy, suy nghĩ đến thế gian không một điều chi đáng vui. Ác sự ở cõi Dục như vậy, còn ở hai cõi trên, khi chết, khi thối đọa, càng sanh áo não hơn ở cõi dưới, ví như bị rơi từ chỗ rất cao, tan nát tiêu hoại!

Hỏi: Tưởng vô thường, tưởng khổ, tưởng vô ngã, và tưởng hết thấy thế gian không thể vui, có gì sai khác mà nói riêng?

Đáp: Có hai cách quán là quán chung và quán riêng. Trước là quán chung, trong đi lại có quán riêng. Lại có hai quán là quán pháp và quán chúng sanh, trước là quán trách mạng hết thấy pháp, đây là quán chúng sanh tội ác chẳng đồng.

Lại nữa trước kia là vô lậu đạo, đây là hữu lậu đạo. Trước là kiến đế đạo, đây là tư duy đạo. Các thứ sai khác như vậy, nhiếp vào trong hết thấy địa, và duyên các pháp trong ba cõi. Ấy gọi là tưởng hết thấy thế gian không thể vui.

Tưởng chết: Như đã nói ở trong đoạn nói về niệm chết.

Tưởng bất tịnh: Như đã nói ở trong đoạn nói về thân niệm xứ.

Tưởng đoạn, tưởng ly, tưởng tận: Duyên tướng Niết-bàn, vì đã dứt các kiết sử nên gọi là tưởng đoạn, vì lìa kiết sử nên gọi là tưởng ly, vì sạch hết kiết sử nên gọi là tưởng tận.

Hỏi: Nếu như vậy thì một tưởng cũng đủ, vì cố sao nói ba?

Đáp: Như trước, một pháp mà có ba cách nói. Vô thường tức là khổ, khổ tức là vô ngã, đây cũng như vậy. Vì hết thấy thế gian tội ác sâu nặng cho nên có ba cách trách mạng, giống như đốn cây to, không thể chặt một lát mà dứt được. Pháp Niết-bàn vi diệu, từ xưa chưa chứng được cho nên tán thán nhiều cách gọi là tưởng đoạn, tưởng ly, tưởng tận.

Lại nữa, dứt ba độc gọi là đoạn, lìa ái gọi là ly, diệt hết thấy khổ không còn sanh lại nữa gọi là tận.

Lại nữa, hành giả ở nơi noãn pháp, đảnh pháp, nhẫn pháp, thế đệ nhất pháp, chánh trí tuệ quán sát, xa lìa các phiền não, ấy gọi là tưởng ly. Chứng đắc vô lậu đạo, dứt các kiết sử, ấy gọi là tưởng đoạn, khi vào

Niết-bàn dứt năm thọ uẩn, không còn tương tục, ấy gọi là tướng tận. Tướng đoạn, hữu dư Niết-bàn; tướng tận, vô dư Niết-bàn; tướng ly, là cửa phương tiện của hai Niết-bàn. Ba tướng này vì là hữu lậu vô lậu nên nhiếp vào trong hết thủy địa.

-----o0o-----